TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2019/QĐ-PT	*Lâm Đồng, ngày 30 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Duy Hoài

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 71/2018/QĐ-ST ngày 30/11/2018 Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 235 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc "Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm: 1933; cư trú tại tổ dân phố PT, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976; cư trú tại số 162, thôn Lạc Bình, xã Lạc Xuân, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền *(Văn bản ủy quyền số 0814, quyển số: 10 – TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NVT chứng nhận ngày 24/4/2018).*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn B, sinh năm: 1967; cư trú tại thôn H, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: khu hành chính huyện X, đường F, thị trấn TM, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

+ Người đại diện hợp pháp:

- Ông ĐNH, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

- Ông LĐC, là người đại diện theo ủy quyền *(Văn bản ủy quyền số 26/UQ-UBND ngày 22/5/2017).*

2. Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: số 16A đường LL, tổ dân phố C, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông ĐVD, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

- Bà NTH, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 03/UQ-UBND ngày 20/3/2017).

3. Bà Trần Thị Ngọc B1, sinh năm: 1968; cư trú tại thôn H, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn PT, thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Tại đơn kháng cáo ngày 30/11/2018, ngày 21/01/2019 nguyên đơn là bà Trần Thị D không đồng ý với Quyết định nói trên với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, triệu tập đương sự không hợp lệ, không đúng quy định, đề nghị cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 71/2018/QĐ-ST ngày 30/11/2018 Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

XÉT THẤY:

Vụ án "Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Trần Thị D, bị đơn là ông Nguyễn B đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý vào ngày 01/11/2016, theo hồ sơ thể hiện thì bà Trần Thị D yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn B đối với lô đất có diện tích 158m^2 thuộc thửa 709, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại tổ dân phố PT II, thị trấn A, huyện X do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện X chứng thực ngày 07/01/2013 (số 10, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD) đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 573253 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Nguyễn B ngày 28/01/2013; bà Trần Thị D đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H thay mặt và nhân danh bà D làm việc tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đối với vụ án, thời hạn ủy quyền là 05 năm kể từ ngày 20/10/2016 (Văn bản ủy quyền số 1059, quyển số: 07-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NVT chứng nhận ngày 20/10/2016).

Ngày 20/02/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định chuyển hồ sơ vụ án Dân sự số 43/2017/QĐDS-ST chuyển hồ sơ vụ án nói trên cho Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân huyện X đã thụ lý vụ án vào ngày 07/3/2017. Do ông Nguyễn B có yêu cầu phản tố vào ngày 17/4/2017 với nội dung yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện X chứng thực ngày 15/4/2011 (số 143, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 902045 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà Trần Thị D ngày 05/9/2011 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố nói trên (Thông báo số 01/2017/TB-TLVA ngày 21/4/2017).

Qua xem xét thì thấy rằng:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D: Theo hồ sơ thể hiện thì khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị H đến Tòa án làm việc; cụ thể: ngày 16/3/2017 triệu tập bà H đến trụ sở Tòa án để làm việc (Giấy triệu tập số 34/2017/GTT-TA, bà H có bản tự khai ngày 18/4/2017, cũng trong ngày 18/4/2017 Tòa án cấp sơ thẩm đã lập Biên bản lấy lời khai đối chất giữa các bên (biên bản thể hiện bà H có mặt, có lời trình bày nhưng không có chữ ký của bà H), bà H cũng có đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định định giá tài sản cùng ngày. Ngày 22/6/2017 Tòa án tiến hành định giá, đo vẽ tài sản tranh chấp (có mặt bà H). Ngày 11/8/2017 Tòa án tiến hành lập Biên bản về việc họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bà H có mặt).

Ngày 14/8/2017 Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định số 34/2017/QĐXXST-DS đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/8/2017; ngày 29/8/2017 Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định số 34/2017/QĐST-DS hoãn phiên tòa nói trên do Luật sư LCT có đơn xin hoãn phiên tòa. Ngày 20/9/2017 Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định số 40/2017/QĐST-DS tạm ngừng phiên tòa do bà H yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để làm thủ tục giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà D. Ngày 21/9/2017 bà D có đơn yêu cầu giám định lại và giám định bổ sung dấu vân tay, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 15/2017/TB-TA ngày 21/9/2017 yêu cầu bà D sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu giám định lại và giám định bổ sung dấu vân tay. Do không tống đạt được cho bà D thông báo nói trên nên cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết theo quy định vào các ngày 22/9/2017 và ngày 10/10/2017. Sau đó Tòa án đã tiến hành triệu tập bà D đến trụ sở Tòa án làm việc vào các ngày 21/11/2017 và 18/12/2017 (làm việc về việc đã hết thời hạn thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu giám định lại và giám định bổ sung dấu vân tay mà bà D vẫn chưa cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án), bà D vắng mặt dù Tòa án đã thực hiện việc niêm yết theo quy định. Ngày 20/12/2017 và ngày 15/01/2018 Tòa án lại triệu tập bà H để "thông báo cho bà H biết đơn yêu cầu giám định của bà D không đúng theo quy định", việc triệu tập này được thực hiện bằng phương thức niêm yết. Đến ngày 19/3/2018 Tòa án lại có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-DS, thời gian mở phiên tòa vào ngày 04/4/2018, phiên tòa bị hoãn do Luật sư LCT có đơn xin hoãn phiên tòa, bà H vắng mặt (Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 04/4/2018; ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào ngày 24/4/2018), tại phiên tòa ngày 24/4/2018 bà H có mặt và yêu cầu hoãn phiên tòa để cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ; Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định số 03/2018/QĐST-DS).

Sau đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chúng cứ số 04/2018/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2018 yêu cầu bà Nguyễn Thị H cung cấp Giấy ủy quyền về việc bà D ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng tại

Tòa án nhân dân huyện X và đơn khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/4/2011 giữa bà D cùng các đồng thừa kế của ông ND. Do không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai vào các ngày 26/4/2018 và ngày 24/5/2018 tại nhà bà H.

Ngày 09/7/2018 Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập bà H đến làm việc vào ngày 27/7/2018, do bà H vắng mặt nên ngày 02/8/2018 đã triệu tập lại bà H đến làm việc vào 23/8/2018, nội dung làm việc là cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai vào các ngày 10/7/2018 và ngày 02/8/2018 tại nhà bà H cũng như tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bà H cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân huyện X.

Ngày 26/10/2018 Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định số 59/2018/QĐXXST-DS đưa vụ án nói trên ra xét xử vào ngày 12/11/2018 đưa vụ án nói trên ra xét xử vào ngày 12/11/2018, Quyết định nói trên cũng được niêm yết tại địa phương nơi bà H cư trú vào ngày 26/10/2018 theo quy định; phiên tòa bị hoãn do bà H và Luật sư LCT vắng mặt lần thứ nhất (Quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐST-DS ngày 12/11/2018, thời gian ấn định mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/11/2018).

Tại phiên tòa ngày 30/11/2018 bà H và ông B có mặt; cấp sơ thẩm cho rằng nhiều lần triệu tập bà H đến trụ sở Tòa án để làm việc và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chúng cứ số 04/2018/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2018 nhưng bà H vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Xét quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án ngày 07/3/2017 đến ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân huyện X đã căn cứ vào Giấy ủy quyền ngày 20/10/2016 nói trên để triệu tập bà Nguyễn Thị H đến Tòa án làm việc, hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm là trái với quy định của pháp luật vì trong nội dung của giấy ủy quyền nói trên bà D chỉ ủy quyền cho bà H tham gia làm việc tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên đương sự.

Ngày 24/4/2018 bà Trần Thị D mới làm giấy ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị H tại Tòa án các cấp (sơ thẩm và phúc thẩm), Văn bản ủy quyền số 0814, quyển số: 10 – TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NVT chứng nhận ngày 24/4/2018. Tuy nhiên hồ sơ không thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm nhận Văn bản ủy quyền nói trên vào ngày nào (bút lục số 293).

Việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chúng cứ số 04/2018/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2018 yêu cầu bà Nguyễn Thị H cung cấp Giấy ủy quyền về việc bà D ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng tại

Tòa án nhân dân huyện X và đơn khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/4/2011 giữa bà D cùng các đồng thừa kế của ông ND là không cần thiết và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bởi lẽ:

+ Đối với đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/4/2011 thì ông Nguyễn B đã có yêu cầu phản tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố nói trên theo Thông báo số 01/2017/TB-TLVA ngày 21/4/2017.

Ngoài ra tại mục 7, Phần IV của Giải đáp số 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì: "Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu".

Như vậy, trường hợp nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì sẽ được chấp nhận; việc bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện (đây là yêu cầu khởi kiện mới, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu) tại phiên tòa ngày 24/4/2018 là không phù hợp với hướng dẫn vừa viện dẫn; ngoài ra tại phiên tòa ngày 24/4/2018 nói trên, bà H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà D căn cứ vào Giấy ủy quyền ngày 20/10/2016 (biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện vấn đề vừa nêu, bút lục 271) nên Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho bà H là không đúng.

+ Đối với Giấy ủy quyền về việc bà D ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện X thì hồ sơ thể hiện đã có việc ủy quyền vào ngày 24/4/2018 nhưng không thể hiện Tòa án đã nhận vào ngày nào vì không có dấu Công văn đến hoặc biên bản giao nhận Giấy ủy quyền vừa nêu giữa đương sự và Tòa án.

Do không xác định được thời điểm Tòa án nhận được Giấy ủy quyền nói trên nên trong trường hợp Tòa án nhận được trước ngày 09/7/2018 (thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập bà H đến làm việc) thì việc triệu tập bà H đến Tòa án làm việc về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chúng cứ số 04/2018/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2018 là không cần thiết, trong trường hợp Tòa án nhận được sau ngày 09/7/2018 thì việc triệu tập bà H và niêm yết Giấy triệu tập tại nhà bà H và tại

trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bà H cư trú cũng như trụ sở Tòa án nhân dân huyện X là không phù hợp với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Trong vụ án này ông Nguyễn B có yêu cầu phản tố nhưng chưa rút yêu cầu phản tố này, trong trường hợp cho rằng nguyên đơn vắng mặt đến lần thứ hai (ngày 23/8/2018) dù đã được triệu tập hợp lệ mà không có lý do chính đáng, thì cấp sơ thẩm phải căn cứ vào quy định tại các Điểm a, b Khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đổi tư cách tố tụng, cụ thể bị đơn trở thành nguyên đơn, nguyên đơn trở thành bị đơn. Tuy nhiên đến ngày 26/10/2018 cấp sơ thẩm có Quyết định số 59/2018/QĐXXST-DS đưa vụ án nói trên ra xét xử vào ngày 12/11/2018, nội dung của Quyết định thể hiện bà D vẫn là nguyên đơn, ông B vẫn là bị đơn; tại phiên tòa ngày 30/11/2018 cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, hỏi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, hỏi các bên về việc thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng sau đó cấp sơ thẩm lại cho rằng do nguyên đơn vắng mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ nên căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ việc giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn B: theo hồ sơ thì quá trình giải quyết vụ án không thể hiện việc ông B rút yêu cầu phản tố, kể cả tại phiên tòa ngày 30/11/2018 (Biên bản phiên tòa không thể hiện có việc ông B rút yêu cầu phản tố, bút lục 323) thế nhưng cấp sơ thẩm lại cho rằng bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố để đình chỉ việc giải quyết vụ án là không thể hiện đúng ý chí của đương sự, vi phạm quyền tự định đoạt của bị đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- Ngoài ra tại các phiên tòa ngày 29/8/2017, ngày 12/11/2018 Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ban hành Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hồ sơ lại không thể hiện có biên bản thảo luận việc hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 235 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Trong vụ án nói trên, ông B có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện X chứng thực ngày 15/4/2011; cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" là còn thiếu sót.

Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng quy định của pháp luật chưa chính xác, vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D; hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, giám định sẽ được xem xét giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Về án phí: miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị D.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 71/2018/QĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng về việc "Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, bà Trần Thị Ngọc B1, bà Nguyễn Thị C1; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch